



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 34+35

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20-7-2023	Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên	3
-----------	--	---

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20-7-2023	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên	5
20-7-2023	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên	43
20-7-2023	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về việc quyết định danh mục dự án đầu tư công trung hạn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 tỉnh Thái Nguyên	61

20-7-2023	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên đến năm 2045	80
20-7-2023	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 2	83
20-7-2023	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 3	86
20-7-2023	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thượng Đình	89
20-7-2023	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình	92
20-7-2023	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	95
20-7-2023	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	107

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2517/TTr-STC ngày 06 tháng 7 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Việt Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên và Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên (bổ sung); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên

### **I. Nguyên tắc phân bổ**

Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

## **II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung**

### **1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 241.490,359 triệu đồng đối với 38 dự án:

- 25 dự án hoàn thành, quyết toán (*07 dự án đã được phê duyệt quyết toán; 18 dự án đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán*) với tổng số vốn là 185.742,659 triệu đồng;

- 11 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 7.386,700 triệu đồng;

- 01 dự án không tiếp tục đầu tư với tổng số vốn là 40.000 triệu đồng;

- 01 dự án điều chỉnh giảm cơ cấu tổng mức đầu tư với tổng số vốn là 8.361 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn 241.490,359 triệu đồng như sau:

a) Bổ sung kế hoạch vốn 92.751 triệu đồng cho 08 dự án

- 03 dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán với tổng số vốn là 5.838 triệu đồng;

- 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 55.559 triệu đồng;

- 01 dự án đối ứng ODA theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước với tổng số vốn là 4.235 triệu đồng;

- 01 dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, bố trí vốn để đối ứng giải phóng mặt bằng (*theo văn bản cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh*) với tổng số vốn là 17.130 triệu đồng;

- 01 dự án mới được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 9.989 triệu đồng (*Nhà in Báo Thái Nguyên*).

b) Bổ sung vào dự phòng chưa phân bổ: 148.739,359 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

### **2. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh**

2.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 294.412 triệu đồng đối với 09 dự án như sau:

- 01 dự án đã hoàn thành không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 1.840 triệu đồng;

- 04 dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư không yêu cầu đối ứng ngân sách địa phương với tổng số vốn là 90.000 triệu đồng;

- 04 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 202.572 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 294.412 triệu đồng như sau:

a) Bổ sung kế hoạch vốn 277.010,390 triệu đồng cho 04 dự án

- 02 Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 252.226,390 triệu đồng;

- 01 dự án đối ứng ngân sách địa phương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư với tổng số vốn là 20.000 triệu đồng;

- 01 dự án để hoàn trả vốn vay, ứng từ các Quỹ với tổng số vốn là 4.784 triệu đồng.

b) Bổ sung vào dự phòng chưa phân bổ: 17.401,610 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

### **3. Phân bổ chi tiết, bổ sung vốn đối ứng nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng kế hoạch vốn được phân bổ chi tiết là: 98.199 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

### **4. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng trả nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất**

4.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ 4.417.389 triệu đồng còn 1.243.700 triệu đồng (*giảm dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư là 3.173.689 triệu đồng do không thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

4.2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng như sau:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng đối với 04 dự án: 03 dự án đã được phê duyệt quyết toán với tổng số vốn là 2.396,586 triệu đồng; 01 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 140,014 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng cho dự án Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87) - dự án đã được phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN**

**NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ( VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)**

*(Kèm theo Nghị quyết số:30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>4.899.323</b>	<b>2.311.689</b>	<b>2.099.883</b>	<b>995.167,700</b>	<b>241.490,359</b>	<b>241.490,359</b>	<b>995.167,700</b>		
<b>A</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>4.158.490</b>	<b>2.161.309</b>	<b>1.731.699</b>	<b>933.912,700</b>	<b>241.490,359</b>	<b>-</b>	<b>692.422,341</b>		
<b>I</b>	<b>Quốc phòng</b>		<b>102.764</b>	<b>73.480</b>	<b>29.284</b>	<b>13.888,000</b>	<b>6.957,800</b>		<b>6.930,200</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>										
1	Đường Na Giang - Khe Rạc - Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng,	Các Quyết định số: 2990/QĐ-UBND	102.764	73.480	29.284	13.888,000	6.957,800		6.930,200	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán. Khối lượng

	huyện Võ Nhai	ngày 30/10/2015; số 3492/QĐ- UBND ngày 09/11/2017									hoàn thành giảm so với Tổng mức đầu tư
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		75.786	-	72.786	20.253,000	5.677,973		14.575,027		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán</i>		75.786	-	72.786	20.253,000	5.677,973	-	14.575		
1	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	Quyết định số 604/QĐ- UBND ngày 28/3/2016	75.786		72.786	20.253,000	5.677,973		14.575,027	Công an tỉnh	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3415/QĐ- UBND ngày 31/12/2022 với giá trị quyết toán là 69,337 tỷ đồng
III	Y tế, dân số và gia đình		40.000		40.000	40.000,000	40.000,000		-		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		40.000	-	40.000	40.000,000	40.000,000	-	-		

1	Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu, điều hành tập trung và phát triển hệ thống chuyên ngành y tế tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025	Nghi quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2022	40.000		40.000	40.000,000	40.000,000		-	Sở Y tế	Không tiếp tục đầu tư theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh
<b>IV</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>311.234</b>	<b>16.028</b>	<b>286.845</b>	<b>181.008,000</b>	<b>35.672,000</b>		<b>145.336,000</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành, quyết toán</i>		<i>281.234</i>	<i>16.028</i>	<i>265.206</i>	<i>151.008,000</i>	<i>27.311,000</i>		<i>123.697,000</i>		
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương	Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	23.806		23.806	4.306,000	100,000		4.206,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đại Từ	Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	20.147		20.147	5.147,000	1.300,000		3.847,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
3	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	39.399		39.399	37.399,000	3.832,000		33.567,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
4	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đồng Hỷ	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.585		35.585	11.433,000	3.800,000		7.633,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư

5	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.697	16.028	47.669	15.102,000	6.300,000	8.802,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
6	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98.600		98.600	77.621,000	11.979,000	65.642,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Khối lượng hoàn thành, giám so với Tổng mức đầu tư
*	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>		<b>30.000</b>	<b>-</b>	<b>21.639</b>	<b>30.000,000</b>	<b>8.361,000</b>	<b>21.639,000</b>		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	30.000		21.639	30.000,000	8.361,000	21.639,000	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	Dự án được điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư: Ngân sách tỉnh 21.639 triệu đồng; vốn Chương trình Dân tộc miền núi 8,361 triệu đồng; Chủ đầu tư thành UBND huyện Định Hóa tại Quyết định 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022
V	<b>Bảo vệ môi trường</b>		<b>149.194</b>	<b>125.368</b>	<b>23.826</b>	<b>11.475,000</b>	<b>2.855,000</b>	<b>8.620,000</b>		
*	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành</b>		<b>149.194</b>	<b>125.368</b>	<b>23.826</b>	<b>11.475,000</b>	<b>2.855,000</b>	<b>-</b>	<b>8.620,000</b>	

1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	149.194	125.368	23.826	11.475,000	2.855,000	8.620,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán. Khối lượng hoàn thành, giám so với Tổng mức đầu tư
<b>VI</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>3.327.740</b>	<b>1.865.468</b>	<b>1.213.151</b>	<b>658.441,000</b>	<b>146.883,484</b>	<b>511.557,516</b>		
<b>VI.1</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>		<b>679.665</b>	<b>376.248</b>	<b>182.365</b>	<b>84.163,000</b>	<b>20.759,584</b>	<b>-</b>	<b>63.403,416</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành giai đoạn 2016 - 2020</i>		<i>194.372,000</i>	<i>169.248,000</i>	<i>25.124,000</i>	<i>3.815,000</i>	<i>1.826,584</i>	<b>-</b>	<i>1.988,416</i>	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đông Xiên, xã Yên Lạc; đập Núi Phấn xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Các Quyết định số: 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; số 1582/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	30.106	27.134	2.972	366,000	86,000	280,000	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2021, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
2	Công trình thủy lợi hồ Nước Hai huyện Phổ Yên	Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 13/6/2012	143.750	142.114	1.636	866,000	806,000	60,000	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Theo đề nghị của Chủ đầu tư, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

3	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 12/6/2014	15.232		15.232	1.683,000	34,584		1.648,416	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 14/3/2023, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
4	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau hồ Trại Gạo	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 14/6/2012	5.284		5.284	900,000	900,000		-	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Theo đề nghị của Chủ đầu tư, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>		<b>485.293</b>	<b>207.000</b>	<b>157.241</b>	<b>80.348,000</b>	<b>18.933,000</b>		<b>-</b>	<b>61.415,000</b>	
1	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; số 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; số 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; số 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	38.000	25.000	13.000	9.723,000	390,000		9.333,000	Chi cục Phát triển Nông thôn	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với giá trị quyết toán là 37,558 tỷ đồng

2	Xây mới công số 1, số 6 đê Chã, công số 8 đê sông Công	Các Quyết định số:2218/QĐ-UBND ngày 25/10/2012; số 3819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; số 1433/QĐ-UBND ngày 06/6/2017; số 3496/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	29.098	20.510	8.588	2.665,000	411,000		2.254,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
3	Kè Xuân Vinh, xã Trung Thành, huyện Phở Yên	Các Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 16/6/2010; số 2252/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	6.699	2.159	4.540	160,000	131,000		29,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
4	Kè xóm Soi, huyện Phở Yên	Các Quyết định số: 1285/QĐ-UBND ngày 05/6/2009; 2539/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	12.641	6.907	5.734	2.606,000	351,000		2.255,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
5	Dự án Xử lý cấp bách đê tả Công đoạn từ K2+000-K5+000	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	25.000	20.000	5.000	5.000,000	307,000		4.693,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

6	Dự án Kè đê Chã K5+050-K5+450	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	45.000	35.000	10.000	10.000,000	2.541,000	7.459,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
7	Dự án Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 17/6/2010	27.092		27.092	2.584,000	1.497,000	1.087,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
8	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phổ Yên	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	16.088	-	16.088	9.688,000	536,000	9.152,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với giá trị quyết toán là 15,551 tỷ đồng
9	Kè chống xói lở bờ sông Cầu bảo vệ khu dân cư xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình	Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	35.000	20.000	15.000	5.546,000	44,000	5.502,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
10	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; số 580/QĐ-UBND ngày 4/3/2021	127.575		6.523	2.068,000	117,000	1.951,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

11	Hồ chứa nước Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2981/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 4105/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	123.100	77.424	45.676	30.308,000	12.608,000		17.700,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
<b>VI.2</b>	<b>Giao thông</b>		<b>2.582.463</b>	<b>1.489.220</b>	<b>965.174</b>	<b>518.666,000</b>	<b>123.215,000</b>	<b>-</b>	<b>395.451,000</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán</i>		<i>2.211.507</i>	<i>1.368.140</i>	<i>742.514,000</i>	<i>326.753,000</i>	<i>101.283,000</i>	<i>-</i>	<i>225.470,000</i>		
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT.266 (Khu công nghiệp Diềm Thụy)	Các Quyết định số: 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	325.773	-	297.740	28.033,000	6.753,000		21.280,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án

2	Đường nối từ Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8)	Các Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	383.504	200.000	145.801	37.703,000	21.435,000	16.268,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
3	Nâng cấp đường Hóa Thượng - Hòa Bình (Nâng cấp thành đường ĐT.273)	Các Quyết định số: 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; số 395/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	150.835	90.000	35.371	25.464,000	15.630,000	9.834,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
4	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 2726/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	179.653	121.080	48.920	9.653,000	4.269,000	5.384,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
5	Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông -Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu)	Các Quyết định số: 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; 2988/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	952.813	760.000	192.813	205.900,000	50.853,000	155.047,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	- Điều chỉnh giảm 37.266 triệu đồng vốn năm 2023 đã bố trí cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án; - Điều chỉnh giảm 13.587 triệu đồng do giảm tổng mức đầu tư dự án.

6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218.929	197.060	21.869	20.000,000	2.343,000		17.657,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
*	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán</b>		<b>200.956</b>	<b>-</b>	<b>173.740</b>	<b>173.740,000</b>	<b>16.932,000</b>	<b>-</b>	<b>156.808,000</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Diềm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200.956	-	173.740	173.740,000	16.932,000		156.808,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
*	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện</b>		<b>170.000</b>	<b>121.080</b>	<b>48.920,000</b>	<b>18.173,000</b>	<b>5.000,000</b>	<b>-</b>	<b>13.173,000</b>		
1	Đường Tràng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên nối huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017; 4018/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	170.000	121.080	48.920	18.173,000	5.000,000		13.173,000	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư

VI.3	Quy hoạch		65.612	-	65.612	55.612,000	2.908,900		52.703,100		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>		65.612	-	65.612	55.612,000	2.908,900	-	52.703,100		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	65.612		65.612	55.612,000	2.908,900		52.703,100	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
VII	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</b>		86.772	38.063	48.709,00	5.787,700	1.623,179	-	4.164,521		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		72.275	38.063	34.212	5.290,000	1.341,479		3.948,521		
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 21/QĐ-TWĐTN ngày 26/12/2012	72.275	38.063	34.212	5.290,000	1.341,479		3.948,521	Tỉnh đoàn Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại quyết định 1876-QĐ/TWĐTN-VP ngày 29/11/2022, không còn nhu cầu bố trí vốn

*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		14.497	-	14.497	498	282	-	216		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	14.497		14.497	497,700	281,700		216,000	Sở Giao thông vận tải	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu bố trí vốn
VIII	<b>Xã hội</b>		<b>65.000</b>	<b>42.902</b>	<b>17.098</b>	<b>3.060,000</b>	<b>1.820,923</b>		<b>1.239,077</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		65.000	42.902	17.098	3.060,000	1.820,923	-	1.239,077		
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	65.000	42.902	17.098	3.060,000	1.820,923		1.239,077	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023, không còn nhu cầu bố trí vốn
B	<b>ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>740.833</b>	<b>150.380</b>	<b>368.184</b>	<b>61.255,000</b>	<b>-</b>	<b>241.490,359</b>	<b>302.745,359</b>		
I	<b>Quốc phòng</b>		<b>103.964</b>	<b>72.010</b>	<b>30.103</b>	<b>1.607,000</b>	<b>-</b>	<b>2.738,000</b>	<b>4.345,000</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành, quyết toán</i>		103.964	72.010	30.103	1.607,000	-	2.738,000	4.345,000		

1	Dự án Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 1580/QĐ-UBND ngày 2/7/2012; số 285/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	89.502	68.160	21.341	1.607,000		2.089,000	3.696,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
2	Dự án Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Các Quyết định số 354/QĐ-BCH ngày 15/11/2015; số 403/QĐ-BCH ngày 26/9/2017	14.462	3.850	8.762	0		649,000	649,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
<b>II</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>103.131</b>	-	<b>93.111</b>	<b>23.253,000</b>	-	<b>53.533,000</b>	<b>76.786,000</b>		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện</i>		<i>103.131</i>	-	<i>93.111</i>	<i>23.253,000</i>	-	<i>53.533,000</i>	<i>76.786,000</i>		
1	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên	Các Quyết định số: 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	103.131		93.111	23.253,000		53.533,000	76.786,000	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
<b>III</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>243.249</b>	-	<b>32.851</b>	<b>16.915,000</b>		<b>6.261,000</b>	<b>23.176,000</b>		

	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		243.249	-	32.851	16.915,000		6.261,000	23.176,000		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		12.026	-	12.026	10.000,000		2.026,000	12.026,000		
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Các Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026		12.026	10.000,000		2.026,000	12.026,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bổ sung vốn theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục thực hiện</i>		231.223	-	20.825	6.915,000		4.235,000	11.150,000		

1	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 ; số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223		20.825	6.915,000		4.235,000	11.150,000	Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện chủ trương bố trí tăng vốn Ngân sách địa phương để hoàn trả vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) tại Văn bản số 6261/UBND-CNNXD ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		185.000	-	185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		185.000	-	185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000		
1	Nhà đa chức năng của tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	185.000		185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		105.489	78.370	27.119	-	-	175.858,359	175.858,359		

*	<i>Hỗ trợ đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng cho trụ sở công an huyện</i>		95.500	78.370	17.130	-		17.130,000	17.130,000		
1	Cơ sở làm việc công an huyện Định Hóa thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500	78.370	17.130			17.130,000	17.130,000	Công an tỉnh	UBND tỉnh đã có văn bản cam kết đối ứng số 6250/UBND-TH ngày 12/12/2022
*	<i>Dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư</i>		9.989	-	9.989	-	-	9.989	9.989		
1	Nhà in Báo Thái Nguyên	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	9.989		9.989	-		9.989,000	9.989,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

*	<b>Dự phòng chưa phân bổ</b>							148.739,359	148.739,359		<p><i>Trong đó: Dự phòng bổ trí vốn đối ứng giải phóng mặt bằng cho dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, dự kiến 23.053 triệu đồng; Bổ sung 35.000 triệu đồng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo Kết luận số 1162-KL/TU ngày 05/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh</i></p>
---	------------------------------	--	--	--	--	--	--	-------------	-------------	--	---

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TỈNH THÁI NGUYÊN NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>6.002.824</b>	<b>4.235.404</b>	<b>1.594.577</b>	<b>1.259.146,00</b>	<b>294.412,00</b>	<b>294.412,00</b>	<b>1.259.146,00</b>		
<b>A</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>1.048.607</b>	<b>540.000</b>	<b>389.989</b>	<b>529.084</b>	<b>294.412,00</b>	<b>0</b>	<b>234.672</b>		

	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>1.048.607</b>	<b>540.000</b>	<b>389.989</b>	<b>529.084</b>	<b>294.412,00</b>		<b>234.672</b>		
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>		<b>576.979</b>	<b>470.000</b>	<b>106.979</b>	<b>93.984</b>	<b>91.840,00</b>		<b>2.144</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Tu bổ xung yếu hệ thống đê, điều giai đoạn 2021 - 2025 (Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, thị xã Phổ Yên đoạn từ Km4+800 đến K9+500)	Quyết định số 3245/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022	50.000	30.000	20.000	20.000	20.000,000		0		Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (tại Quyết định số 3245/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022). Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng

2	Nâng cấp đê Hà Châu chống lũ, kết hợp làm đường giao thông phục vụ phát triển dân sinh		230.000	200.000	30.000	30.000	30.000,000		0	Tại Quyết định số 3079/QĐ-BNN-KH ngày 16/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021 - 2025, không có chủ trương đầu tư và bố trí vốn cho dự án này. Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng
3	Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (Hồ Núi Cốc: Đồi mới; cải tạo đập chính; sửa chữa đập phụ; thay thế cửa van tràn số 1 và số 2. Hạ du: Xây dựng cầu Đá mài (ngầm tràn số 3); nạo	Quyết định số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021	160.000	140.000	20.000	20.000	20.000,000		0	Không cần bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (Thay đổi tên theo Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ Nông

	vết cục bộ lòng dẫn sông Công hạ du Hồ Núi Cốc; kè chống sạt lở hai bên bờ Sông Công (Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Sông Công, thị xã Phô Yên)										ngiệp và Phát triển nông thôn).
4	Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía bắc (Kè gia cố chống sạt lở bờ Sông Công đoạn qua thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên có chiều dài khoảng 1,9 km)	Quyết định số 3385/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021	120.000	100.000	20000	20000	20.000,000		0		Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (tại Quyết định số 751/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 01/3/2023). Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng
5	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	16.979		16.979	3984	1.840,000		2.144,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
<b>II</b>	<b>Giao thông</b>		<b>471.628</b>	<b>70.000</b>	<b>283.010</b>	<b>435.100</b>	<b>202.572,000</b>		<b>232.528</b>		

*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục đầu tư</i>		<b>302.010</b>	<b>70.000</b>	<b>232.010</b>	<b>384.500</b>	<b>162.990</b>		<b>221.510</b>		
1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà trường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Các Quyết định số: 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/5/2023	302.010	70.000	232.010	384.500	162.990,000		221.510	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/5/2023
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		<b>169.618</b>	<b>0</b>	<b>51.000</b>	<b>50.600</b>	<b>39.582,000</b>		<b>11.018</b>		
1	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi đê Chã, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70.000		21.000	20.800	16.271,000		4.529	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phổ Yên tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/3/2023

2	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phố Yên	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	49.618		15.000	14.900	11.656,000		3.244	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phố Yên tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
3	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phố Yên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	50.000		15.000	14.900	11.655,000		3.245	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phố Yên tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
<b>B</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>4.954.217</b>	<b>3.695.404</b>	<b>1.204.588</b>	<b>730.062,000</b>	<b>0,000</b>	<b>294.412</b>	<b>1.024.474</b>		
<b>I</b>	<b>Thể dục, thể thao</b>		<b>535.992</b>	<b>200.000</b>	<b>335.992</b>	<b>266.062</b>		<b>69.630</b>	<b>335.692,000</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										



1	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn Hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	160.000	140.000	20.000	0,00		20.000	20.000		Ngân sách tỉnh bố trí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>II. 2</b>	<b>Giao thông</b>		<b>4.204.000</b>	<b>3.355.404</b>	<b>848.596</b>	<b>464.000</b>		<b>182.596,390</b>	<b>646.596,390</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Các Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; số 3195/QĐ-	4.204.000	3.355.403,610	848.596,390	464.000		182.596,390	646.596,390	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh

		UBND ngày 20/12/2022									
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		54.225	0	0	0	0	22.185,61	22.185,61		
*	<i>Dự án hoàn trả vốn vay, ứng từ các Quỹ</i>		54.225	0	0	0	0	4.784	4.784		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng	Các Quyết định số: 385/QĐ- UBND ngày 20/2/2017; Các Quyết định số: 195/QĐ- UBND ngày 22/01/2019; số 3692/QĐ- UBND ngày 04/12/2018	54.225			0		4.784	4.784	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Hoàn trả vốn vay của Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, thanh toán khối lượng thực hiện dự án (xử lý dứt điểm dự án đầu tư đã triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020)
*	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>							17.401,610	17.401,610		

**Phụ lục III**

**PHÂN BỐ CHI TIẾT, BỔ SUNG VỐN ĐỐI ỨNG SÁCH TÌNH HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022			Phân bổ chi tiết phần còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 24/NQ- HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022	Tổng kế hoạch vốn sau khi được phân bổ	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ- HĐND ngày 16/6/2022	Phân bổ chi tiết cho phần còn lại				
	(1)	(2)=(3)+(4)	(3)	(4)	(5)	(6)=(2)+(5)	(7)	(8)
	<b>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật</b>							

	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025</i>								
*		76.517	59.321	17.196	21.682	98.199			
1	Ban Dân tộc tỉnh		1.099			1.099	Ban Dân tộc tỉnh	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		3.216			3.216	Sở Giáo dục và Đào tạo		
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		7.928			7.928	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
4	Huyện Đại Từ		6.466	531	5.000	11.997	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ		
5	Huyện Phú Lương		3.604	1.983	4.682	10.269	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương		

6	Huyện Đồng Hỷ		6.086	4.467	7.000	17.553	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ	
7	Huyện Định Hóa		13.920	2.049		15.969	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
8	Huyện Võ Nhai		15.664	8.166	5.000	28.830	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
9	Huyện Phú Bình		1.338			1.338	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022

**Phụ lục IV**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
TỈNH THÁI NGUYÊN NGUỒN VỐN: THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG  
TRẢ NỘP MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	<b>Nguồn vốn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng trả nỘp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất</b>					<b>4.417.389,000</b>	<b>3.176.225,600</b>	<b>2.536,600</b>	<b>1.243.700,000</b>		
<b>A</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>229.610</b>	<b>0</b>	<b>229.610</b>	<b>3.341.572,000</b>	<b>3.176.225,600</b>		<b>165.346,400</b>		
<b>I</b>	<b>Hạ tầng khu công nghiệp</b>		<b>229.610</b>	<b>0</b>	<b>229.610</b>	<b>167.883,000</b>	<b>2.536,600</b>		<b>165.346,400</b>		

1	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Đầm Thụy (Phần diện tích 180 ha).	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198.337		198.337	165.384,000	140,014		165.243,986	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu sử dụng vốn
2	Mương thoát nước ngập úng cho khu vực ngoài Quy hoạch Khu công nghiệp Đầm Thụy (diện tích 180 ha)	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	14.038		14.038	1.966,000	1.898,582		67,418	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
3	San nền tạo khuôn viên cây xanh và cảnh quan khu vực xen kèp giữa đường Gom vào Khu công nghiệp Yên Bình và Quốc lộ 3 mới	Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.797		14.797	280,000	245,004		34,996	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
4	Xây dựng bổ sung đường dây điện và trạm cắt 35KV cấp điện tạm thời 14 NM	Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 05/12/2014	2.438		2.438	253,000	253,000		0,00	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
<b>II</b>	<b>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật</b>		<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>3.173.689,000</b>	<b>3.173.689,000</b>		<b>0,00</b>		

*	Dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư					3.173.689,000	3.173.689,000		0,00		Giảm nguồn thu do không thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh
<b>B</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>76.833</b>	<b>0</b>	<b>76.833</b>	<b>11.410,000</b>		<b>2.536,600</b>	<b>13.946,600</b>		
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87)	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	76.833		76.833	11.410,000		2.536,600	13.946,600	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt toàn phần xây lắp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:31/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

**1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước)**

- Điều chỉnh giảm 240.403,610 triệu đồng đối với 06 dự án, gồm: 04 dự án đã hoàn thành, phê duyệt quyết toán; 01 dự án tạm dừng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục; 01 dự án dừng chủ trương đầu tư.

- Điều chỉnh tăng 240.403,610 triệu đồng cho dự án Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

**2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài)**

Điều chỉnh giảm 72.020 triệu đồng đối với 05 dự án sử dụng vốn nước ngoài *(Do các dự án hoàn thành trong 02 năm 2022 - 2023 hủy vốn, dư vốn không sử dụng đến)*.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**  
**CHO Ý KIẾN VỀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>5.600.898</b>	<b>3.972.857</b>	<b>1.105.041</b>	<b>3.563.873,000</b>	<b>240.403,610</b>	<b>240.403,610</b>	<b>3.563.873,000</b>		
<b>A</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>1.396.898</b>	<b>617.453</b>	<b>256.445</b>	<b>448.873,000</b>	<b>240.403,610</b>		<b>208.469,390</b>		

<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>		<b>908.017</b>	<b>199.361</b>	<b>185.656</b>	<b>133.211,000</b>	<b>101.386,610</b>		<b>31.824,390</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</b>		<b>185.017</b>	<b>99.361</b>	<b>85.656</b>	<b>33.211,000</b>	<b>1.386,610</b>		<b>31.824,390</b>		
	<i>Dự án đã hoàn thành, quyết toán</i>		<i>185.017</i>	<i>99.361</i>	<i>85.656</i>	<i>33.211,000</i>	<i>1.386,610</i>		<i>31.824,390</i>		

1	Đầu tư tổng thể bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên. Hạng mục: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định dân cư tại các xã Phúc Tân, Lục Ba, Vạn Thọ, Tân Thái, Bình Thuận	Các Quyết định số: 2985/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1571/QĐ-UBND ngày 14/6/2017; 3466/QĐ-UBND ngày 7/11/2017; 1147/QĐ-UBND ngày 09/5/2018; 2080/QĐ-UBND ngày 9/7/2020; 3467/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3712/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; 2379/QĐ-UBND ngày 9/7/2021; 2493/QĐ-UBND ngày 23/7/2021; 3347/QĐ-	109.999	90.132	19.867	27.887,000	1.174,000	26.713,000	Chi cục Phát triển nông thôn	Dự án đã hoàn thành, quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
---	---	---	---------	--------	--------	------------	-----------	------------	------------------------------	---

		UBND ngày 27/10/2021, 3933/QĐ- UBND ngày 10/12/2021; 580/QĐ- UBND ngày 24/3/2022; 581/QĐ- UBND ngày 24/3/2022; 927/QĐ- UBND ngày 29/4/2022								
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

2	Xây dựng công trình Hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất, phát triển, bảo vệ, phòng chống cháy rừng tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Các Quyết định số: 2389/QĐ-UBND ngày 23/10/2012; 2238a/QĐ-UBND ngày 01/9/2016; 3225/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; 3330/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 4181/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	75.018	9.229	65.789	5.324,000	212,610	5.111,39	Chi cục Kiểm lâm	Dự án đã hoàn thành, quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025</b>		<b>723.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000,000</b>	<b>100.000,000</b>	<b>0,00</b>		

*	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>		723.000	100.000	100.000	100.000,000	100.000,000		0,00		
1	Khu nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao Thái Nguyên		723.000	100.000	100.000	100.000,000	100.000,000		0,00	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tạm dừng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục
II	Công nghệ thông tin		99.952	99.952	0	99.952,000	99.239,000		713,00		
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025		99.952	99.952	0	99.952,000	99.239,000	-	713		
1	Đầu tư dự án về chuyển đổi số	Các Nghị quyết số: 75/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; số 18/NQ-HĐND ngày	99.952	99.952		99.952,000	99.239,000		713,00	Sở Thông tin và Truyền thông	Dừng chủ trương đầu tư dự án

		10/5/2023									
<b>III</b>	<b>Giao thông</b>		<b>388.929</b>	<b>318.140</b>	<b>70.789</b>	<b>215.660,000</b>	<b>39.728,000</b>		<b>175.932,00</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</b>		<b>388.929</b>	<b>318.140</b>	<b>70.789</b>	<b>215.660,000</b>	<b>39.728,000</b>		<b>175.932,00</b>		
*	<i>Dự án đã hoàn thành</i>		<i>388.929</i>	<i>318.140</i>	<i>70.789</i>	<i>215.660,000</i>	<i>39.728,000</i>		<i>175.932</i>		
1	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3479/QĐ-UBND ngày 08/11/2017; số 394/QĐ-	170.000	121.080	48.920	18.600,000	5.000,000		13.600,00	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu bố trí vốn

		UBND ngày 19/2/2021									
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218.929	197.060	21.869	197.060,000	34.728,000		162.332,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu bố trí vốn
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					50,000	50,000		0,00		
*	Số vốn còn lại chưa giao kế hoạch					50,000	50,000		0,00		

B	<b>ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN</b>		<b>4.204.000</b>	<b>3.355.404</b>	<b>848.596</b>	<b>3.115.000,000</b>		<b>240.403,610</b>	<b>3.355.404</b>		
I	<b>Giao thông</b>		<b>4.204.000</b>	<b>3.355.404</b>	<b>848.596</b>	<b>3.115.000,000</b>		<b>240.403,610</b>	<b>3.355.403,61</b>		
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025</b>		<b>4.204.000</b>	<b>3.355.404</b>	<b>848.596</b>	<b>3.115.000,000</b>		<b>240.403,610</b>	<b>3.355.403,61</b>		
*	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>		<i>4.204.000</i>	<i>3.355.404</i>	<i>848.596</i>	<i>3.115.000,000</i>		<i>240.403,610</i>	<i>3.355.403,61</i>		
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Các Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Các Quyết định số:	4.204.000	3.355.403,610	848.596,390	3.115.000,000		240.403,610	3.355.403,61	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	



**Phụ lục II**  
**CHO Ý KIẾN VỀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư								
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
				Vốn đối ứng						
	Tổng số	Trong đó: Vốn	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						

					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Tổng số	Trong đó:						
									Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương	Vay lại					
	<b>TỔNG SỐ:</b>		<b>2.985.477</b>	<b>975.372</b>	<b>389.872</b>	<b>585.500</b>		<b>1.995.421</b>	<b>1.702.805</b>	<b>292.617</b>	<b>330.111</b>	<b>72.020</b>	<b>258.091</b>		
	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>2.985.477</b>	<b>975.372</b>	<b>389.872</b>	<b>585.500</b>		<b>1.995.421</b>	<b>1.702.805</b>	<b>292.617</b>	<b>330.111</b>	<b>72.020</b>	<b>258.091</b>		
<b>A</b>	<b>Cấp nước, thoát nước</b>		<b>950.488</b>	<b>510.980</b>	<b>258.263</b>	<b>252.717</b>		<b>439.509</b>	<b>439.509</b>	<b>0</b>	<b>14.153</b>	<b>974</b>	<b>13.179</b>		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>														
1	Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3452/QĐ-UB ngày 24/10/2000; số 1352/QĐ-UBND ngày 11/7/2007; số	950.488	510.980	258.263	252.717	15.854.698 EURO	439.509	439.509	0	14.153	974	13.179	Công ty TNHH Một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị	Dự án đã hoàn thành giải ngân kết thúc Hiệp định, còn dư

		1429/QĐ- TTg ngày 25/8/2021; số 2851/QĐ- UBND ngày 10/9/2021												tin h Thái Nguyên	v n k é h o a c h k h o n g s ử d u n g
B	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		358.798	27.348	0	27.348		316.765	269.540	47.225	88.190	12.237	75.953		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>														
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3250/QĐ- UBND ngày 31/10/2018; số 580/QĐ- UBND ngày 04/3/2021	127.575	6.523	0	6.523	5,38 triệu USD	121.052	90.789	30.263	35.300	2.020	33.280	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Dự án hoàn thành có v n d ư, đ a n g đ ề n h ì h ủy v n t ại H i ệ p đ ì n h

2	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2812/QĐ-UBND ngày 28/10/16; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223	20.825	0	20.825	8.717.729 USD	195.713	178.751	16.962	52.890	10.217	42.673	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Dự án điều chỉnh giám vốn nước ngoài, có vốn dự án hoàn thành, đang đề nghị hủy vốn tại Hiệp định.
C	Bảo vệ môi trường (tài nguyên)		149.194	23.826	0	23.826		125.368	87.758	37.610	40.396	25.468	14.928		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>														



1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2	Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.526.997	413.218	131.609	281.609	52,946 triệu USD	1.113.779	905.998	207.781	187.372	33.341	154.031	UBND thành phố Thái Nguyên	Dự án hoàn thành có vốn dự không sử dụng, được hủy vốn tại Hiệp định.
---	---	---	-----------	---------	---------	---------	------------------	-----------	---------	---------	---------	--------	---------	----------------------------	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định danh mục dự án đầu tư công trung hạn  
thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025  
và năm 2023 tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP*

ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí,

*định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến về danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định danh mục dự án đầu tư công trung hạn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 tỉnh Thái Nguyên (phần tỉnh quản lý), cụ thể như sau:

1. 08 dự án đầu tư công trung hạn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên với tổng kế hoạch vốn là 74.561 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 64.832 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 9.729 triệu đồng*). Trong đó:

a) 01 dự án đầu tư công trung hạn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 với tổng kế hoạch vốn là 13.808 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 12.007 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 1.801 triệu đồng*);

b) 07 dự án đầu tư công trung hạn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 với tổng kế hoạch vốn là 60.753 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 52.825 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 7.928 triệu đồng*).

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

2. 08 dự án đầu tư công thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Thái Nguyên (bao gồm cả vốn kéo dài của năm 2022 sang năm 2023) với tổng kế hoạch vốn là 28.976 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 25.197 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 3.779 triệu đồng*). Trong đó:

a) 01 dự án đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 với tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 5.401 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 4.697 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 704 triệu đồng*);

b) 07 dự án đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 với tổng kế hoạch vốn là 23.575 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương: 20.500 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 3.075 triệu đồng*).

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023/.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH**  
**MỤC TIÊU QUỐC GIA 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 32 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

C	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Dự kiến Tổng mức định đầu tư			Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021 - 2025			Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng	Trong đó:			
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
	<b>TỔNG SỐ:</b>				<b>74.561,06</b>	<b>64.832,00</b>	<b>9.729,06</b>	<b>74.561,00</b>	<b>64.832,00</b>	<b>9.729,00</b>		
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>				<b>13.808,00</b>	<b>12.007,00</b>	<b>1.801,00</b>	<b>13.808,00</b>	<b>12.007,00</b>	<b>1.801,00</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án phát triển giáo dục</b>				<b>13.808,00</b>	<b>12.007,00</b>	<b>1.801,00</b>	<b>13.808,00</b>	<b>12.007,00</b>	<b>1.801,00</b>		

	<b>nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)</b>											
<b>1</b>	Dự án hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3)				13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00		
-	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Trung tâm Dịch vụ việc làm Tỉnh	2023 - 2025	Đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành Sàn giao dịch việc làm trực tuyến, các thiết bị kết nối trực tiếp, lưu động phục vụ tại 09 huyện, thành phố.	13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội</b>	
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc</b>				<b>60.753,06</b>	<b>52.825,00</b>	<b>7.928,06</b>	<b>60.753,00</b>	<b>52.825,00</b>	<b>7.928,00</b>		

	<b>gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>										
<b>I</b>	<b>Dự án 6</b>				<b>60.753,06</b>	<b>52.825,00</b>	<b>7.928,06</b>	<b>60.753,00</b>	<b>52.825,00</b>	<b>7.928,00</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>
1	Tu bổ, tôn tạo Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát xã Phú Đình, huyện Định Hoá	Huyện Định Hóa	2023 - 2024	Thực hiện tu bổ, tôn tạo: Nhà sàn Bác Hồ tại đồi Nà Đình; Sân (nơi Bác Hồ và các anh em đội bảo vệ tập thể dục); Nhà khách khuôn tát: (Nhà khách, nhà vệ sinh, khuôn viên sân vườn); Cây đa Khuôn Tát; Suối Khuôn Tát (nơi Bác Hồ câu cá, tắm giặt); Bia di tích đồi Nà Đình; Đường đi (đoạn từ suối Khuôn Tát vào bia di tích lịch sử đồi	4.009,87	3.487,00	522,87	4.009,87	3.487,00	522,87	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				Nà Đình); Hạ tầng kỹ thuật; Phòng chống mối mọt, cháy nổ,...								
2	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng xóm Tân Đô, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ	Huyện Đồng Hỷ	2023 - 2024	- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể: Bảo tồn, tôn tạo Đình làng; Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng mới nhà vệ sinh: Hạ tầng kỹ thuật tổng thể; - Hỗ trợ phát triển du lịch: Thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch; đường dạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.	10.642,19	9.253,00	1.389,19	10.642,13	9.253,00	1.389,13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại xóm Bản Tèn, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ	Huyện Đồng Hỷ	2023 - 2024	Hỗ trợ phát triển du lịch: Hỗ trợ phục dựng cảnh quan, làm giàu tài nguyên, đường dạo nội bộ, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.	1.137,00	989,00	148,00	1.137,00	989,00	148,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

4	Tu bổ, tôn tạo di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tin Keo xã Phú Đình, huyện Định Hoá (1948-1954)	Huyện Định Hoá	2023 - 2025	Tu bổ, tôn tạo di tích nhằm phát huy giá trị di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tin Keo xã Phú Đình, huyện Định Hoá (1948-1954) gắn với phát triển du lịch Thái Nguyên đến năm 2030	3.264,00	2.838,00	426,00	3.264,00	2.838,00	426,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày xóm Bán Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	Huyện Phú Lương	2023 - 2025	- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể: Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng mới nhà vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật tổng thể. - Hỗ trợ phát triển du lịch: Thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch; đường dạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.	9.000,00	7.825,00	1.175,00	9.000,00	7.825,00	1.175,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Bảo tồn	Huyện		- Bảo tồn giá trị văn	10.700,00	9.304,00	1.396,00	10.700,00	9.304,00	1.396,00	Sở Văn

	làng truyền thống dân tộc Sán Chi xóm Đồng Kệu, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Định Hóa	2023 - 2025	<p>hóa vật thể: Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng công làng; Xây dựng mới nhà vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật tổng thể.</p> <p>- Hỗ trợ phát triển du lịch: Thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch; đường dạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.</p>								hóa, Thể thao và Du lịch	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hoá	Huyện Định Hóa	2023 - 2025	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hoá gắn với phát triển du lịch Thái Nguyên đến năm 2030	22.000,00	19.129,00	2.871,00	22.000,00	19.129,00	2.871,00		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*  
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Dự kiến Tổng mức định đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Phân bổ chi tiết các năm									Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	
					Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Nguồn vốn giao năm 2023 (bao gồm cả vốn của năm 2022 kéo dài sang năm 2023)		Trong đó						
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Năm 2022 kéo dài sang năm 2023			Năm 2023					
												Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
													Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)			
	<b>TỔNG SỐ:</b>				74.561,06	64.832,00	9.729,06	74.561,00	64.832,00	9.729,00	28.976,00	25.197,00	3.779,00	12.160,00	10.574,00	1.586,00	16.816,00	14.623,00	2.193,00	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00	5.401,00	4.697,00	704,00	1.197,00	1.041,00	156,00	4.204,00	3.656,00	548,00	
I	Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)				13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00	5.401,00	4.697,00	704,00	1.197,00	1.041,00	156,00	4.204,00	3.656,00	548,00	

1	Dự án hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3)				13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00	5.401,00	4.697,00	704,00	1.197,00	1.041,00	156,00	4.204,00	3.656,00	548,00	
-	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thông tin để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Trung tâm dịch vụ việc làm Tỉnh	2023-2025	Đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành Sàn giao dịch việc làm trực tuyến, các thiết bị kết nối trực tiếp, lưu động phục vụ tại 09 huyện, thành phố.	13.808,00	12.007,00	1.801,00	13.808,00	12.007,00	1.801,00	5.401,00	4.697,00	704,00	1.197,00	1.041,00	156,00	4.204,00	3.656,00	548,00	Sở Lao động - Thương ng bình và Xã Hội
B	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				60.753,06	52.825,00	7.928,06	60.753,00	52.825,00	7.928,00	23.575,00	20.508,00	3.075,00	10.963,00	9.533,00	1.430,00	12.61200	10.967,00	1.645,00	

I	Dự án 6				60.753,06	52.825,00	7.928,06	60.753,00	52.825,00	7.928,00	23.575,00	20.508,00	3.075,00	10.963,00	9.533,00	1.430,00	12.61200	10.967,00	1.645,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
1	Tu bổ, tôn tạo Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hoá	Huyện Định Hoá	2023-2024	Thực hiện tu bổ, tôn tạo: Nhà sản Bắc Hồ tại đồi Nà Đình; Sân (nơi Bắc Hồ và các anh em đội bảo vệ tập thể dục); Nhà khách khuôn tát: (Nhà khách, nhà vệ sinh, khuôn viên sân vườn); Cây đa Khuôn Tát; Suối Khuôn Tát (nơi Bắc Hồ câu cá, tắm giặt); Bia di tích đồi Nà Đình; Đường đi (đoạn từ suối Khuôn Tát vào bia di tích lịch sử	4.009,87	3.487,00	522,87	4.009,87	3.487,00	522,87	4.009,87	3.487,00	522,87	2.913,00	2.533,00	380,00	1.096,87	954,00	142,87	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				đời Nhà Đỉnh); Hạ tầng kỹ thuật; Phòng chống mối mọt, cháy nổ,...																
2	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng xóm Tân Đò, xã Hòa Bình, huyện Đông Hỷ	Huyện Đông Hỷ	2023-2024	- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể: Bảo tồn, tôn tạo Đình làng; Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng mới nhà vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật tổng thể; - Hỗ trợ phát triển	10.642,19	9.253,00	1.389,19	10.642,13	9.253,00	1.389,13	9.343,13	8.124,00	1.219,13	8.050,00	7.000,00	1.050,00	1.293,13	1.124,00	169,13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				du lịch; Thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch; đường dao nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.																
3	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại xóm Bản Tèn, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ	Huyện Đông Hỷ	2023-2024	Hỗ trợ phát triển du lịch: Hỗ trợ phục dựng cảnh quan, làm giàu tài nguyên, đường đạo nội bộ, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu vụ phục vụ khách du lịch.	1.137,00	989,00	148,00	1.137,00	989,00	148,00	1.137,00	989,00	148,00	0,00			1.137,00	989,00	148,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tin Keo xã Phú Đình,	Huyện Đình Hố	2023-2025	Tu bổ, tôn tạo di tích nhằm phát huy giá trị di tích Nơi Chủ	3.264,00	2.838,00	426,00	3.264,00	2.838,00	426,00	2.300,00	2.000,00	300,00	0,00			2.300,00	2.000,00	300,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	huyện Đình Hoá (1948- 1954)			ịch Hồ Chí Mình ở và làm việc tại Đồi Tin Keo xã Phú Đình, huyện Đình Hoá (1948- 1954) gắn với phát triển du lịch Thái Nguyên n đến năm 2030																	
5	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tây xóm Bản Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	Huyện Phú Lương	2023- 2025	- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể: Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng mới nhà vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật tổng thể. - Hỗ trợ phát triển du lịch; Thiết kế, lắp đặt biển chi dẫn du	9.000,00	7.825,00	1.175,00	9.000,00	7.825,00	1.175,00	3.105,00	2.700,00	405,00	0,00				3.105,00	2.700,00	405,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				lich; đường đạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lich.																
6	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Sán Chi xóm Đông Kệu, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Huyện Định Hóa	2023- 2025	- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể: Xây mới Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng; Bảo tồn mẫu nhà truyền thống; Xây dựng công làng; Xây dựng mới nhà vệ sinh; Hạ tầng kỹ thuật tổng thể. - Hỗ trợ phát triển du lich; Thiết kế, lắp đặt biển chi dẫn du lich; đường đạo	10.700,00	9.304,00	1.396,00	10.700,00	9.304,00	1.396,00	3.220,00	2.800,00	420,00	0,00			3.220,00	2.800,00	420,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lich

				nội bộ, diện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu phục vụ khách du lịch.																
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hóa	Huyện Định Hóa	2023-2025	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hóa gắn với phát triển du lịch Thái Nguyên n đến năm 2030	22.000,00	19.129,00	2.871,00	22.000,00	19.129,00	2.871,00	460,00	400,00	60,00	0,00			460,00	400,00	60,00	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng  
Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên đến năm 2045**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17  
tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của  
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày  
07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý  
quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015  
của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của  
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của  
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của  
Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình  
hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên đến năm 2045; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên đến năm 2045, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi: Thuộc các xã Minh Đức, Thành Công, Phúc Thuận và phường Bắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp sông Con (*phụ lưu sông Công*); phía Nam giáp tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc; phía Đông giáp khu đất nông nghiệp và dân cư xã Minh Đức, xã Thành Công; phía Tây giáp đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội.

c) Diện tích quy hoạch đến năm 2045: Dự kiến 1.128 ha (*trong đó 868 ha đất khu công nghiệp và 260 ha đất đô thị - dịch vụ*).

d) Tính chất:

- Là khu công nghiệp đa ngành, phát triển theo hướng sinh thái, hiện đại và thân thiện với môi trường. Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp tự động hóa, lắp ráp, điện tử, viễn thông.

- Là khu đô thị - dịch vụ bao gồm các phân khu chức năng như: Nhà ở; công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; công trình y tế; công trình thể thao, văn hóa, công viên; công trình thương mại; công trình dịch vụ và các công trình khác có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Đối với khu công nghiệp: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các

công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với khu đô thị - dịch vụ: Đáp ứng tiêu chí của đô thị loại II, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

### 3. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên đến năm 2045, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng  
tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 2**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 2; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 2, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi: Thuộc các phường Hồng Tiến, Đồng Tiến, Tiên Phong của thành phố Phổ Yên và các xã Diềm Thụy, Nga My của huyện Phú Bình.

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp khu dân cư xã Diềm Thụy và phường Hồng Tiến; phía Nam giáp khu dân cư phường Tiên Phong và xã Nga My; phía Đông giáp Khu công nghiệp Yên Bình 3; phía Tây giáp Khu công nghiệp Yên Bình.

c) Diện tích quy hoạch: Dự kiến 301 ha.

d) Tính chất: Là khu công nghiệp đa ngành, phát triển theo hướng sinh thái, hiện đại thân thiện với môi trường. Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

Đảm bảo tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng

vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 2, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng  
tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 3**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 3; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 3, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch
  - a) Phạm vi: Thuộc các xã Điềm Thụy, Nga My của huyện Phú Bình.
  - b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp khu dân cư xã Điềm Thụy; phía Nam giáp khu dân cư và Trường tiểu học Nga My 2 của xã Nga My; phía Đông giáp kênh Núi Cốc và khu dân cư xã Nga My; phía Tây giáp Khu công nghiệp Yên Bình 2.
  - c) Diện tích quy hoạch: Dự kiến 300 ha.
  - d) Tính chất: Là khu công nghiệp đa ngành, phát triển theo hướng sinh thái, hiện đại thân thiện với môi trường. Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

#### 2. Các chỉ tiêu cơ bản

Đảm bảo tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

#### 3. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng

vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Yên Bình 3, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng  
tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thượng Đình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thượng Đình; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thượng Đình, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi: Thuộc xã Thượng Đình, huyện Phú Bình.

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp khu dân cư, đất nông nghiệp, lâm nghiệp xã Thượng Đình và Trường Quân sự Quân khu 1; phía Nam giáp khu dân cư, đất nông nghiệp, lâm nghiệp xã Thượng Đình; phía Đông giáp đường Quốc lộ 37, đất nông nghiệp và khu dân cư xã Thượng Đình; phía Tây giáp phường Lương Sơn, thành phố Sông Công và phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên.

c) Diện tích quy hoạch: Dự kiến 130,48 ha, trong đó diện tích Khu công nghiệp Thượng Đình là 130 ha và hành lang đường Quốc lộ 37 khoảng 0,48 ha.

d) Tính chất: Là khu công nghiệp đa ngành, phát triển theo hướng sinh thái, hiện đại thân thiện với môi trường. Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

Đảm bảo tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thượng Đình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng  
tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung;*

*Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi: Thuộc phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên và xã Nga My, huyện Phú Bình.

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp khu dân cư hiện trạng và đất lúa, xã Nga My; phía Nam giáp tuyến đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội và khu vực quy hoạch Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Yên Bình; phía Đông giáp khu vực khu dân cư hiện trạng và đất lúa, xã Nga My; phía Tây giáp suối Rẽo, phường Tiên Phong.

c) Diện tích quy hoạch: Dự kiến 200 ha.

d) Tính chất: Là khu tập trung các hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến công nghệ thông tin.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Tổng diện tích đất Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung tối thiểu 50% diện tích đất xây dựng; Mật độ xây dựng thuần của khu công nghệ thông tin tập trung không quá 40% diện tích đất của khu.

b) Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

### 3. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 07 công trình, dự án thu hồi đất với diện tích 2,15 ha (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

- 04 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 1,05 ha (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh tên, quy mô, địa điểm, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ đối với 08 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đưa 01 dự án trên địa bàn huyện Đại Từ ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục III, IV kèm theo*).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I****Danh mục 07 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số: 38/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>2,15</b>	<b>0,72</b>			<b>1,43</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>		<b>0,23</b>	<b>0,23</b>			<b>0,00</b>
1	Trường Mầm non Điem Thụy (Công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học)	Xã Điem Thụy, huyện Phú Bình	0,23	0,23			
<b>II</b>	<b>Huyện Định Hóa</b>		<b>1,92</b>	<b>0,49</b>			<b>1,43</b>
1	Mở rộng Trụ sở UBND xã Bình Yên	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,30				0,30
2	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,15	0,09			0,06
3	Sửa chữa nền, mặt đường và cạp mở rộng mặt đường đoạn Km24+800- Km25+300; Km25+450 - Km 25+600 và sửa chữa cầu Đá Con Km24+310 ĐT.264	Xã Trung Lương, huyện Định Hóa	0,06				0,06
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tân Dương - Phượng Tiên - Trung Hội (đoạn xóm Pải)	Xã Phượng Tiên, huyện Định Hóa	0,50				0,50
5	Mở rộng, tôn tạo khu lưu niệm Bác Hồ với ngành Quân giới Việt Nam	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,26				0,26
6	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40			0,25

**Phụ lục II****Danh mục 04 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 38/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>1,05</b>	<b>0,74</b>			<b>0,31</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>		<b>0,25</b>	<b>0,25</b>			<b>0,00</b>
1	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn của hộ gia đình, cá nhân	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,02	0,02			
2	Trường Mầm non Diềm Thụy (Công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học)	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,23	0,23			
<b>II</b>	<b>Huyện Định Hóa</b>		<b>0,80</b>	<b>0,49</b>			<b>0,31</b>
1	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,15	0,09			0,06
2	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40			0,25

**Phụ lục III**  
**Điều chỉnh tên, quy mô, địa điểm, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ đối với 08 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 38/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Nghị quyết của HĐND tỉnh Th+A7:Q37ái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021															
I	Huyện Định Hóa															
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	70,00	9,02			60,98	1	Trang trại chăn nuôi lợn (Khu chăn nuôi Đầm Hề - Ao Giời - Đồng Danh)	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00			44,42	Điều chỉnh tên, giảm quy mô diện tích của dự án từ 70,0 ha xuống còn 45,42 ha của dự án cho phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Định Hóa đã được HĐND huyện Định Hóa thông qua tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24/4/2023

II	Huyện Phú Bình															
1	Khu dân cư Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	18,83	15,94			2,89	1	Khu dân cư Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	15,43	13,75			1,68	Điều chỉnh giảm quy mô diện tích của dự án từ 18,83 ha xuống còn 15,43 ha để đảm bảo diện tích được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 11/4/2023
2	Đường Vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,00	7,68			1,32	2	Đường Vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	11,26	9,40			1,86	Điều chỉnh tăng quy mô diện tích của dự án từ 23,40 ha thành 29,29 ha do sơ xuất trước đây của Ban quản lý các công trình giao thông tỉnh và UBND huyện Phú Bình đã rà soát chưa chính xác diện tích thực hiện dự án so với số liệu được UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư tại Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày
		Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	8,65	5,76			2,89		Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	10,34	7,36			2,98		
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	5,75	3,22			2,53		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	7,69	4,50			3,19		
	<b>Tổng</b>		<b>23,40</b>	<b>16,66</b>			<b>6,74</b>	<b>Tổng</b>			<b>29,29</b>	<b>21,26</b>			<b>8,03</b>	

																	19/11/2021 và điều chỉnh Dự án đầu tư tại Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	
<b>B</b>	<b> Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020</b>																	
<b>I</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>																	
1	Khu đô thị Cầu Cỏ	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,99	3,99				1	Khu đô thị Cầu Cỏ	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,99	3,09					0,90	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ đất trồng lúa của dự án do trước đây UBND huyện Phú Bình tổng hợp cơ cấu loại đất trong vùng quy hoạch dự án chưa chính xác. Nay đã rà soát, tổng hợp xác định lại
<b>II</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>																	
1	Dự án xây dựng không gian văn hóa trà tại xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	1,71				1,71	1	Dự án xây dựng không gian văn hóa trà tại xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	1,71	0,03					1,68	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ đất trồng lúa của dự án do trước đây UBND thành phố Thái Nguyên sử dụng nguồn số liệu bản đồ cũ. Nay đã rà soát, tổng hợp lại số

																liệu theo bản đồ đo đạc chính lý mới nhất
2	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	0,25				0,25	2	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	0,16				0,16	Điều chỉnh giảm quy mô diện tích của dự án từ 56,90 ha xuống còn 49,92 ha để phù hợp với quy mô xác định
		Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	37,22	22,65			14,57			Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	32,21	19,46			12,75	trong chủ trương đầu tư được UBND tỉnh phê duyet tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 29/4/2022. Phần diện
		Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên	19,43	15,77			3,66			Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên	17,55	15,07			2,48	tích giảm 6,98 ha bao gồm các khu quy hoạch trường học, đất công cộng, đất nhà ở xã hội, đất giao thông, đất cây
	<b>Tổng</b>		<b>56,90</b>	<b>38,42</b>			<b>18,48</b>		<b>Tổng</b>		<b>49,92</b>	<b>34,53</b>			<b>15,39</b>	xanh, UBND thành phố sẽ cân đối nguồn vốn để đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và sẽ đề xuất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2025-2030

C		Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022																
I	Huyện Phú Bình																	
1	Khu đô thị số 3	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,87	6,79			3,08	1	Khu dân cư số 3	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,30	5,28			4,02	- Điều chỉnh thêm địa điểm thực hiện dự án tại xã Nga My và xã Kha Sơn do sơ xuất của UBND huyện Phú Bình trước đây tổng hợp thiếu địa điểm. - Điều chỉnh lại tên dự án để phù hợp với quy định tại khoản 1, mục VII, phụ lục số IX, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ và văn bản số 780/QHPTNĐ-PTTĐ ngày 05/5/2023 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất- Bộ TNMT. UBND huyện Phú Bình đã điều chỉnh lại tên quy hoạch chi tiết		
																		0,03
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	6,52	4,11			2,41			Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,02							0,02
																		2,87
	<b>Tổng</b>		<b>16,39</b>	<b>10,90</b>			<b>5,49</b>		<b>Tổng</b>		<b>16,39</b>	<b>9,45</b>			<b>6,94</b>			

																		thành Khu dân cư số 3 tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 26/5/2023
<b>D</b>	<b> Nghị Quyết số 97/NQ-HDND ngày 08/12/2022</b>																	
<b>I</b>	<b>Huyện Võ Nhai</b>																	
1	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	6,60					6,60	1	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	6,60			6,26	0,34		- Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp với thực tế, UBND huyện Võ Nhai đã xác định lại tên dự án tại Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh cơ cấu nội bộ loại đất, trong đó có 6,26 ha đất rừng phòng hộ, do trước đây UBND huyện Võ Nhai xác định, tổng hợp nhằm là đất rừng sản xuất

**Phụ lục IV****Danh mục 01 dự án trên địa bàn huyện Đại Từ đưa ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số: 38/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng	
				Tổng số	Trong đó:				
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ			Đất rừng đặc dụng
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng quốc tế 5 sao Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	24,50	22,69	0,36			1,80	0,01

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

*Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 204,28 ha rừng trồng để thực hiện 09 dự án, cụ thể như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng 134,07 ha rừng trồng (*127,81 ha rừng trồng sản xuất và 6,26 ha rừng trồng phòng hộ*) để thực hiện 06 dự án đang đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Chuyển mục đích sử dụng 70,21 ha rừng trồng sản xuất để thực hiện 03 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH****Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**  
**DỰ ÁN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 39/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại xóm Tân Kim, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	6,26	1	8A	77	Rừng trồng phòng hộ (cây keo, mỡ, bạch đàn)
2	Dự án đường kết nối từ đường liên kết vùng đi hồ Suối Lạnh, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	1,16	3	3	233	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
3	Dự án Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	23,38	1	12	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			3	13		
4	Dự án Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái -Khu A, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	25,30	3	4	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			2	6		
			3	9		
			4	10		
5	Dự án Khu dân cư nông thôn mới thể thao và giáo dục Tân Thái - Khu B, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	39,32	3	9	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			4	10		

6	Dự án Trang trại chăn nuôi lợn (Khu chăn nuôi Đầm Hè - Ao Giời - Đồng Danh) xã Bình Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên	38,65	3	2	39	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			6	3		
			1	6		
			1	5	41	
			3			
<b>Tổng cộng</b>		<b>134,07</b>				

**Phụ lục II**  
**DỰ ÁN ĐÃ CÓ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 39/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp khu vực xã Bảo Lý, xã Tân Thành, xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	27,34	7	1	252	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			6	3		
			1	5	258	
			2	2		
			7	2	249	
			3	4		
			4	1	250	
8	2	253				
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực xã Hóa Trung và xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	38,12	1	8	198	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			2			
			4	6	182	
			2	7		
			3			
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực xã Hóa Trung, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	4,75	2	6	182	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
			3			
<b>Tổng cộng</b>		<b>70,21</b>				

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>